

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/DS-ST

Ngày: 14/3/2024.

V/v: “ *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN – TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Sáu.

2. Ông Phạm Ngọc Trung.

Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2023/TLST - DS ngày 01 tháng 12 năm 2023 về việc: “ *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số: 04/TB- TA ngày 20/02/2024 của TAND huyện T giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1966.

Cư trú: Thôn X, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1975.

Cư trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2023 và lời trình bày của nguyên đơn chị G tại phiên tòa: Năm 2022 tôi có cho chị Nguyễn Thị G mượn tiền nhiều lần, cụ thể:

Ngày 11/7/2022 (Âm lịch) cho mượn 10.000.000 đồng; Ngày 24/7/2022 (Âm lịch) cho mượn 10.000.000 đồng; Ngày 08/8/2022 (Âm lịch) cho mượn 30.000.000 đồng, sau đó chị G có mượn thêm 5.000.000 đồng và 01 chỉ vàng y loại 9999, mỗi lần mượn chị G có viết giấy mượn tiền kèm theo. Tổng cộng là 55.000.000 đồng và 01 chỉ vàng y loại 9999, mục đích cho mượn là để chị G làm ăn, tuy nhiên từ khi mượn cho đến nay, chị G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay tôi yêu cầu chị G phải có nghĩa vụ trả nợ cho tôi 55.000.000 đồng tiền gốc và 01 chỉ vàng y loại 9999. Ngoài ra tôi yêu cầu chị G phải trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc 55.000.000 đồng trên (tương ứng theo số tiền của các giấy mượn tiền) theo mức lãi

suất 10%/năm theo quy định của bộ luật dân sự. Thời gian tính lãi kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án ngày 01/12/2023 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

Bị đơn chị G vắng mặt nhiều lần, không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

-Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chị G vắng mặt nhiều lần là vi phạm điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ đủ cơ sở để đưa vụ án ra xem xét giải quyết.

- Về nội dung: Căn cứ các điều 463,465,466 và 468 Bộ luật dân sự 2015. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn 01 chỉ vàng y loại 9999 và 55.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh từ ngày Tòa án thụ lý (ngày 01/12/2023 đến ngày 14/3/2024), theo mức lãi suất 10%/năm, (riêng 01 chỉ vàng y loại 9999 chị T không yêu cầu tính lãi) nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị T khởi kiện chị G cư trú tại: Thôn X, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên “ Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản ”. Đây là tranh chấp dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về nội dung tranh chấp: Năm 2022 chị T cho chị G mượn tiền nhiều lần cụ thể: Ngày 11/7/2022 (Âm lịch) mượn 10.000.000 đồng; Ngày 24/7/2022 (Âm lịch) mượn 10.000.000 đồng; Ngày 08/8/2022 (Âm lịch) mượn 30.000.000 đồng, sau đó chị G có mượn thêm 5.000.000 đồng và 01 chỉ vàng y loại 9999. Tổng cộng là 55.000.000 đồng và 01 chỉ vàng y loại 9999 (mỗi lần mượn chị G đều có viết giấy mượn kèm theo), mục đích cho mượn là để chị G làm ăn, tuy nhiên từ khi mượn cho đến nay, chị G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị T yêu cầu chị G phải có nghĩa vụ trả nợ 55.000.000 đồng tiền gốc và 01 chỉ vàng y loại 9999. Ngoài ra chị yêu cầu chị G phải trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc 55.000.000 đồng với lãi suất 10%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự, thời gian tính lãi kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử vụ án, (riêng 01 chỉ vàng y chị T không yêu cầu tính lãi).

[4]. Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 11/7/2022 (Âm lịch) số tiền 10.000.000 đồng; ngày 24/7/2022 (Âm lịch) số tiền 10.000.000 đồng; ngày 08/8/2022 (Âm lịch) số tiền 30.000.000 đồng, số tiền 5.000.000 đồng và 01 chỉ vàng y loại 9999. Tổng cộng là 55.000.000 đồng và 01 chỉ vàng y loại

9999 do nguyên đơn cung cấp thể hiện chữ viết và chữ ký của người mượn tiền là chị Nguyễn Thị G, chứng tỏ nguyên đơn và bị đơn có giao dịch dân sự vay mượn tiền và vàng là có thật. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền gốc 55.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh 10%/ năm (0,83%/ tháng), là đúng quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS 2015. Xét thấy quá trình thực hiện hợp đồng vay, bị đơn chị G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị G phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn 01 chỉ vàng y loại 9999 và 55.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh từ ngày Tòa án thụ lý (ngày 01/12/2023 đến ngày 14/3/2024) là 03 tháng 13 ngày cụ thể:

-Nợ gốc 55.000.000 đồng x 0,83%/ tháng x 3 tháng 13 ngày = 1.567.300 đồng.

Tổng nợ gốc và lãi là: **56.567.300 đồng.**

Tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi của 01 chỉ vàng y loại 9999, nên HĐXX không xem xét.

(Giá vàng tại thời điểm xét xử là 6.800.000 đồng/ chỉ).

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Các Điều 463, 465, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn chị G phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn chị T 01 (Một) chỉ vàng y loại 9999 và số tiền gốc và lãi tổng cộng **56.567.300 đồng.**

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn chị G phải chịu 3.168.365 đồng án phí DSST.

Hoàn lại cho nguyên đơn chị T 1.375.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số: 0010559 ngày 01/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn

15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Bình